

Số: 05/2018/QĐST-HNGĐ

Ch S, ngày 16 tháng 01 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 180/2017/TLST/HNGĐ ngày 18/10/2017, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1989.

Bị đơn: Anh Đinh Văn H, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: làng KT, xã HB, huyện Ch S, tỉnh G L.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 01 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị H và anh Đinh Văn H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

Trong quá trình chung sống chị Nguyễn Thị H và anh Đinh Văn H có 02 con chung là các cháu: Đinh Ngọc H, sinh ngày 09/01/2011 và cháu Đinh Bảo Tr, sinh ngày 09/01/2015.

Anh H và chị H thỏa thuận: Giao cho chị H trực tiếp nuôi hai con chung là cháu: Đinh Ngọc H, sinh ngày 09/01/2011 và cháu Đinh Bảo Tr, sinh ngày 09/01/2015 cho đến khi các cháu thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành

vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Chị H không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Vì lợi ích của con chung anh H và chị H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; Anh H có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được phép cản trở việc anh thực hiện quyền này. Nếu người không trực tiếp nuôi con chung lạm dụng quyền thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

2.2. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Đinh Văn H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên được giảm 50% án phí sơ thẩm, chị H và anh H mỗi người phải chịu 75.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng chị H tự nguyện nộp thay phần án phí của anh H phải nộp, nên phần án phí mà chị H phải nộp là: 150.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp trước đây, theo biên lai số 0001549 ngày 18/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ch S, tỉnh G L. Hoàn lại cho chị H phần tạm ứng án phí còn dư là 150.000đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G L;
- VKSND huyện Ch S;
- Chi cục THADS huyện Ch S;
- UBND xã HB, huyện Ch S, G L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đình Hiếu